TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **27/2021**/HS-ST
Ngày: 21-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Ngọc Thúy.

2/ Ông Nguyễn Văn Tâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Trần Hữu Vĩnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: **Ông Phan Minh Tân**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TL-HSST ngày 25/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (Tên gọi khác: T1). sinh năm 19xx. Giới tính: Nam. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 02/12. Con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 19xx và bà Phạm Thị N, sinh năm 19xx. Vợ Nguyễn Thị B, sinh năm 19xx. Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 14/10/2020, có mặt.

Người bị hại:

1/ Ông Lê Văn Tr, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt

2/ Ông Đoàn Công Th, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt

3/ Ông Trương Thế H, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Minh Ch, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, có mặt

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt

3/ Bà Phạm Thị G, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt

4/ Anh Trương Tấn V, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt

5/ Bà Võ Thị M, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt

6/ Chị Bùi Thị Yến N, sinh năm 19xx. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và lợi dụng sự tin tưởng của vợ chồng ông Lê Văn Tr, nên bị cáo Nguyễn Văn T có ý định trước là sẽ nói dối chạy lo việc trúng tuyển viên chức giáo viên cho con dâu ông Tr là chị Bùi Thị Yến N. Sau khi được vợ chồng ông Tr đồng ý để cho bị cáo T thực hiện chạy lo việc cho chị N thi đậu viên chức năm 2019 với số tiền là 50.000.000 đồng. Từ sau ngày 23/8/2018 đến ngày 02/10/2018 bị cáo T đã trực tiếp nhận tiền của vợ chồng ông Tr tổng cộng 50.000.000 đồng, nhưng bị cáo T không có lo cho ai mà chiếm đoạt số tiền tiêu xài cá nhân. Đến ngày 06/8/2020 vợ chồng ông Tr trình báo sự việc cho Cơ quan Công an. Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận còn thực hiện 02 (hai) vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào năm 2016, khi bị cáo T biết được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông thụ lý vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa ông Đoàn Công Th và anh em ruột của ông Th, bị cáo T trực tiếp gợi ý với ông Th để bị cáo T lo cho thắng kiện với số tiền 125.000.000 đồng, nếu không thắng kiện bị cáo T sẽ bồi thường lại số tiền gấp đôi, nên vợ chồng ông Th tin tưởng giao cho bị cáo T nhận tổng cộng số tiền 125.000.000 đồng, để bị cáo lo chạy thắng kiện vụ án dân sự. Đến ngày 12/3/2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện G đến nhà ông Th tiến hành cưỡng chế thi hành án, thì ông Th mới biết bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tiền, nên làm đơn tố giác bị cáo T đến Cơ quan Công an.

Vụ thứ hai: Vào năm 2015 ông Trương Thế H nhờ ông Võ Minh C, chạy lo việc cho con ông H là anh Trương Tấn V thi trúng tuyển vào Đại học cảnh sát nhân dân, ông C thấy bị cáo Tâm có quen biết nhiều người nên ông C nhờ bị cáo T lo chạy dùm cho con ông H trúng tuyển vào Đại học cảnh sát nhân dân, bị cáo T đồng ý lo chạy việc với số tiền là 60.000.000 đồng. Ông H giao tiền cho ông C nhận 02 lần tổng cộng 50.000.000 đồng. Ông C giao lại bị cáo T toàn bộ số tiền

trên, nhưng kết quả thi Đại học cảnh sát của anh V bị trượt. Đến năm 2016 bị cáo T nói với gia đình ông H cho anh V đi lính nghĩa vụ Công an để thi tiếp và xét biên chế Công an nhân dân, nên ông H đồng ý cho anh V đi lính nghĩa vụ Công an tại Công an huyện Gò Công Đông. Đến năm 2017 ông C kêu ông H đưa thêm số tiền 40.000.000 đồng và ông C đưa lại số tiền trên cho bị cáo T. Ông C dẫn bị cáo T đến gặp vợ chồng ông H để bị cáo T liên hệ trực tiếp với vợ chồng ông H. Đến năm 2018 bị cáo T nói với ông H đưa thêm số tiền 60.000.000 đồng để bị cáo T lo cho anh V vào biên chế Công an, nên ông H đồng ý và giao 60.000.000 đồng cho bị cáo T. Tổng cộng, ông H đã giao tiền cho bị cáo T 150.000.000 đồng, nhưng vẫn không thấy anh V vào biên chế Công an nhân dân. Ngày 03/6/2020 bị cáo T viết tờ cam kết thừa nhận có nhận số tiền là 150.000.000 đồng. Đến ngày 23/9/2020 bị cáo T viết tờ cam kết hứa trả lại số tiền trên cho ông H nhưng không thực hiện, nên ông H làm đơn tố giác bị cáo T.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-GCĐ ngày 25/3/2021của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 10 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại Lê Văn Tr số tiền 50.000.000 đồng; bị hại Đoàn Công Th số tiền 125.000.000 đồng và bị hại Trương Thế H số tiền 150.000.000 đồng. Thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng thống nhất nội dung quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa bị cáo T khai do bị cáo muốn có tiền tiêu xài, nên vào thời gian, địa điểm nêu trên bị cáo có nói với các bị hại để bị cáo chạy lo việc cho gia đình bị hại, nên các bị hại đã tin tưởng giao số tiền cho bị cáo nhận rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhân như cáo trạng nêu là đúng. Bị cáo nói lời nói sau cùng là bị cáo đã ăn năn, biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho bị cáo sớm về gia đình lao động kiếm tiền trả lại cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2020 bị cáo T đã dùng thủ đoạn gian dối để các bị hại tin tưởng vào bị cáo T có mối quan hệ rộng, nên đã giao tiền để bị cáo T lo chạy việc, chạy án. Nhưng bị cáo T không có thực hiện mà chiếm đoạt số tiền của ông Lê Văn Tr là 50.000.000, của ông Đoàn Công Th là 125.000.000 đồng, của ông Trương Thế H là 150.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Các lần thực hiện hành vi bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 325.000.000 đồng *(ba trăm hai mươi lăm triệu đồng)*.

Tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

..."

Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo T rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, cụ thể là tài sản của ông Tr, ông Th và ông H bị xâm phạm, còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Nhân thân bị cáo T chưa tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đã 03 (ba) lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa ông Tr yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 50.000.000, ông H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 150.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Bị cáo T đồng ý bồi thường tất cả số tiền trên, nhưng xin thực hiện sau khi bị cáo chấp hành án xong. Bà C đại diện bị hại Th yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gấp đôi số tiền bị cáo đã nhận theo thỏa thuận ban đầu. Bị cáo T xin được bồi thường đúng số tiền đã nhận là 125.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù giữa bị cáo T và ông Th cùng bà C có văn bản thỏa thuận về việc giao nhận số tiền để bị cáo T lo chạy thắng kiện vụ án chia thừa kế như bà C trình bày tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc thỏa thuận giao nhận tiền là nhằm mục đích chạy án để thắng kiện, là giao dịch trái pháp luật, nên thỏa thuận trên là vô hiệu. Do đó, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà C là đại diện của bị hại Th. Cần buộc bị cáo T phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất yêu cầu của các bị hại, không có yêu cầu khác. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với ông Võ Minh Ch là người giới thiệu bị cáo T cho ông Trương Thế H làm quen để nhờ lo chạy việc trúng tuyển vào biên chế Công an cho anh Trương Tấn V. Bị cáo T có nhờ ông Ch nhận tiền dùm từ ông H. Ông Ch có trực tiếp nhận tiền của ông H giao 03 (ba) lần tổng cộng là 90.000.000 đồng. Ông Ch có giao lại số tiền 90.000.000 đồng cho bị cáo T, nhưng anh Ch không biết bị cáo T lừa đảo ông H để chiếm đoạt số tiền, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không khởi tố.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/10/2020.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự. Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Lê Văn Tr số tiền 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng; bồi thường cho ông Đoàn Công Th số tiền 125.000.000 *(Một trăm hai mươi lăm triệu)* đồng; bồi thường cho ông Trương Thế H số tiền 150.000.000 *(Một trăm năm mươi triệu)* đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.250.000 đồng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA.DS huyện Gò Công Đông;
- Cơ quan THA.HS huyện Gò Công Đông;
- Bị cáo; Bị hại, NLQ
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê T Ngọc Thúy **Nguyễn V Tâm** **Trần Văn Dũng**